

# SÁCH « PHỦ BIÊN TẬP LỤC » VÀ BẢN DỊCH

ĐÀO DUY ANH

SÁCH *Phủ biên tạp lục*, theo lời tựa của Lê-quí-Đôn (1), đã được ông viết ở Phú xuân trong năm 1776, khi ông làm hiệp trấn phủ Thuận-hóa. Trong những năm cuối đời Lê, cũng như trong đời Tây-sơn và đời Gia-long, tức từ năm 1776 đến năm 1820, sách ấy có lẽ chỉ được biết ở Đường ngoài. Phan-huy-Chú, người Đường ngoài, trong sách *Lịch triều hiến chương loại chí* làm xong trong đời Minh-mệnh, ở chương « Văn tịch chí », đã giới thiệu sách ấy, còn chép cả bài tựa của Lê-quí-Đôn; tác giả sách *Hậu Lê thời sự kỷ lược* cũng người Đường ngoài, nhưng không rõ là ai, trong chương « Hiền tông Vĩnh hoàng đế », ở mục nói về Hiền vương, tức Nguyễn-phúc-Khoát, đã dùng tài liệu ở sách này. Có lẽ đến đời Minh-mệnh thì nó mới được biết ở Huế. Năm Minh-mệnh thứ 1, Minh-mệnh có lệnh sưu tầm thư tịch cổ. Có lẽ sau đó đã có người hiến một tập *Phủ biên tạp lục* mà chúng tôi ngờ rằng đó là bản mà Trần-tiến-Thành ở đời Tự-đức đã được thấy trong thư viện của Nội các, tức là Tự-khuê thư viện. Bản tâu của Trần tiến-Thành, tâu thị lang Công bộ sung biện Các vụ, đề ngày 30 tháng giêng năm Tự-đức thứ 6 (1852) nói: « Tuân theo sắc chỉ, thần đã tìm tòi và đã thấy ở Nội các hiện có một bản *Phủ biên tạp lục*, do Lê-quí-Đôn đời Lê biên soạn... Thần đã so sánh cẩn thận bản ấy với bản của lang trung Nguyễn-công-Điền mới dâng. Mục lục, số quyển, cũng như các việc ghi chép đều giống nhau ở trong hai bản. Tuy nhiên, bản sau có nhiều chỗ giản lược hơn, và có nhiều chữ chép sai. Bản ấy lại có kèm một bản *Thế phở* và một bài tựa gồm hai tờ mà bản của Nội các không có. Bản *Phủ biên tạp lục* của Nội các đã từng được chuyển sang Quốc sử quán, ở đây người ta đã dùng nó để tham khảo trong một thời gian lâu, cho nên có những tờ bị rách, và nhiều chữ bị mất. Thần xin cho bản *Thế phở* chép thế thứ các Liệt thánh của bản triều được kính cẩn tàng tri ở Nội các và cho hai bản *Tạp lục* được giữ để làm tài liệu nghiên cứu » (*Văn nghị công niên biểu*, 6 quyển, tức niên biểu của Trần-tiến-Thành mà chúng tôi đã được xem ở Huế trước kia).

Khi thực dân Pháp mới xâm chiếm Nam-kỳ của ta, chúng đã để ý đến sách *Phủ biên tạp lục*. Người Pháp đầu tiên nói đến sách ấy là P. Legrand de la Liraye (trong sách *Notes historiques sur la nation annamite*), nhưng thực ra ông ta chưa từng đọc sách ấy nên đã nói lầm rằng sách ấy chép về « lịch sử và sự phân bố các tỉnh miền Bắc từ Quảng-nam hay Tu-ran đến biên giới Trung-hoa ». Nhà học giả Pháp P. Pelliot đã giới thiệu kỹ sách ấy trong bài « Nghiên cứu đầu tiên về các nguồn tài liệu Việt-nam về lịch sử Việt-nam » đăng trong tập san của viện Viễn Đông bác cổ (*BEFEO*, IV), căn cứ vào một bản ở Tự-Khuê thư viện.

Như thế thì chúng ta thấy rằng từ xưa người ta đã xem *Phủ biên tạp lục* là một nguồn tài liệu quý và đã dùng nó. Trong giới sử học hiện đại, người ta cũng vẫn xem nó là nguồn tài liệu quan trọng, xưa và phong phú nhất. về lịch sử và địa lý miền Trung-bộ và Nam-bộ, nhưng vì hiện chỉ có những bản chép tay « tam sao thất bản », có nhiều chỗ sai sót, cho nên rất là khó dùng. Muốn cho sách ấy được nhiều người dùng một cách thuận tiện thì cần có một bản dịch tốt. Viện Sử học đã giao cho bộ phận phiên dịch của tổ Cổ sử trách nhiệm phiên dịch sách ấy.

Để phiên dịch sách ấy, chúng tôi đã dựa vào tài liệu nào ?

Việc đầu tiên chúng tôi phải làm là tìm hết cả những bản *Phủ biên tạp lục* hiện có ở Hà-nội, để chọn lấy một bản mà chỉnh lý lại để có một bản tương đối tốt dùng làm căn cứ.

Hiện nay ở Hà-nội chúng tôi thấy có bốn bản khác nhau :

Bản của Thư viện Khoa học trung ương, bản của thư viện Viện Sử học, bản của thư viện Trường Đại học Tổng hợp và bản riêng của chúng tôi mà chúng tôi mới biếu Viện Sử học.

Trong bốn bản ấy thì bản của Thư viện khoa học là đầy đủ nhất. Nó mang số hiệu A 184,

(1) Về tiểu sử và văn nghiệp của Lê-quí-Đôn, ông Văn-Tân đã nói kỹ ở trong tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*.

gồm hai tập khổ 223 x 315 ly mét. Tập một gồm bài tựa, mục lục, quyển I, 75 tờ, quyển II, 33 tờ, quyển III, 94 tờ; tập hai gồm quyển IV, 45 tờ, quyển V, 52 tờ, quyển VI và bài bạt, 35 tờ; mỗi trang gồm 9 hàng chữ, mỗi hàng 20 chữ. Bản này viết chữ chân phương, nhưng đọc kỹ thì thấy có nhiều chỗ sai sót, chứng tỏ rằng người chép không những không nắm được nội dung của sách mà còn chép câu thả, mặc dầu viết cẩn thận. Bản này là do Viện Viễn Đông bác cổ xưa kia thuê chép, mà các sách chép tay cho viện này thuê chép thì phần nhiều là ở trong tình trạng như thế.

Bản của Viện Sử học thì khổ nhỏ hơn bản trên (170 x 300 ly mét), chữ đại thảo, có chấm câu bằng son, xem nét chữ thì thấy rằng người chép là người viết thạo, chữ tốt, song lại còn sai sót nhiều hơn bản trên. Lại thêm quyển I thì thiếu cả nửa thứ hai chép danh sách các phủ huyện tổng xã của hai xứ Thuận Quảng và quyển III thì thiếu cả một chương sau chép thể lệ và số ngạch về duyệt tuyền, nhân khẩu, tuyền lính, quân đội của hai xứ.

Bản của Trường Đại học tổng hợp vốn là bản của nhà Cao-xuân-Dục ở Diên-châu, chúng tôi nghe nói rằng Cao-xuân-Dục, trong khi làm thượng thư Học bộ kiêm tổng tài Quốc sử quán đã thuê chép ở một bản *Phủ biên tạp lục* của Quốc sử quán. Bản ấy cũng gồm hai tập khổ nhỏ (170 x 300), viết đại thảo. Tập một cũng thiếu danh sách các phủ huyện tổng xã. Cũng nhiều sai sót. Ở quyển III của bản này, cuối một số mục, thấy có những lời phụ chú mà chúng tôi không thấy ở các bản khác, có lẽ là do một độc giả đời sau ghi thêm.

Bản cuối cùng là bản của chúng tôi. Bản này, cách đây hơn hai chục năm, chúng tôi đã nhờ chép lại ở bản Cao-xuân-Dục (tức là bản của Đại học tổng hợp hiện nay), duy phần danh sách các phủ huyện thì chúng tôi lại nhờ chép ở bản của Viện Viễn Đông bác cổ (tức là bản Thư viện Khoa học hiện nay). Bấy giờ chúng tôi muốn có một bản tương đối chính xác để dùng, cho nên chúng tôi đã làm công việc hiệu đính bằng cách đem đối chiếu bản chép ấy với các bản khác (bấy giờ chúng tôi tìm được đến 8 bản khác nhau, nhưng cũng không ngoài ba bản gốc là bản Cao-xuân-Dục, bản Bác cổ và một bản thứ ba của Thư viện Bảo-đại ở Huế) và với các sách lịch sử và địa lý quan trọng có quan hệ với nội dung sách này, như *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại nam thực lục tiền biên*, *Ô châu cận lục*, *Gia-định thông chí*, *Đại nam nhất thống chí*, *An-nam chí* [Nguyễn], *Lịch triều hiến chương loại chí*. Nhưng bản chúng tôi còn giữ được đây lại là bản nháp, cho nên có nhiều chỗ sửa móc lem

nhem, không được rành mạch lắm, lại thiếu mất quyển IV (bản chép tinh chúng tôi đã làm mất ở Hà-nội trong những ngày kháng chiến đầu tiên). Chúng tôi thấy bản ấy, tuy còn nhiều khuyết điểm, cũng là bản đã được chỉnh lý qua rồi, cho nên chúng tôi đã đem biểu thư viện của Viện Sử học để dùng chung.

Để phiên dịch, chúng tôi đã căn cứ vào bản chúng tôi biểu Viện Sử học đó, và vào quyển IV của bản Viện Sử học. Chúng tôi lại đem làm công việc chỉnh lý một lần nữa bằng cách đối chiếu các bản hiện có với nhau và tham khảo những đoạn có liên quan trong các sách lịch sử và địa lý nói trên.

Trong khi đối chiếu bốn bản với nhau, chúng tôi thấy rằng bản Thư viện Khoa học và bản Đại học tổng hợp đại khái có những chỗ sai và sót giống nhau, điều ấy khiến chúng tôi đoán rằng chúng đã có xuất xứ tương đồng. Chúng ta biết rằng bản Đại học tổng hợp là được chép từ một bản của Quốc sử quán. Bản Thư viện Khoa học tất cũng được chép ở một bản tương tự. Có lẽ đó là bản mà P.Pelliot đã nhờ chép lại ở một bản của Nội các mà bản của Nội các ấy hẳn là đã được Quốc sử quán chép lại trong thời gian cơ quan này dùng nó trong công việc biên soạn *Thực lục tiền biên*, rồi bản chép lại này đã được Cao-xuân-Dục nhờ chép. Do đó có thể nói rằng cái nguồn gốc chung của hai bản Đại học tổng hợp và Thư viện khoa học là bản Nội các xưa. Bản của chúng tôi cũng là chuyên xuất từ nguồn gốc chung ấy.

Còn bản Viện Sử học cũ thì chúng tôi thấy nó có hai điểm giống bản của Thư viện Bảo-đại ở Huế mà chúng tôi còn giữ được cái phiếu ghi chép về nó: Một là những phần chép sót của nó, như danh sách các khu vực hành chính và phần cuối của quyển III về nhân khẩu và quân đội cũng là những phần chép sót của bản Thư viện Bảo-đại, hai là trong cả hai bản các chúa Nguyễn đều được chép theo tên thực chứ không phải là theo tước hàm như ở các bản khác — Có lẽ Lê-quí-Đôn vốn chỉ các chúa Nguyễn bằng tên thực, trừ Nguyễn Hoàng đã được nhà Lê phong, rồi đến đời nhà Nguyễn, trong bản của Nội các có từ trước đời Tự-đức, người ta đã bỏ tên thực mà thay bằng tước hàm — Hai điểm giống nhau ấy khiến chúng tôi đoán rằng bản Viện Sử học cũng là do một nguồn gốc với bản Thư viện Bảo-đại. Truy nguyên bản Viện Sử học thì thấy nó đến từ tủ sách của Vũ Văn học nghệ thuật trong thời kháng chiến, mà bản *Phủ biên tạp lục* của tủ sách này, chúng tôi biết chắc chắn, cũng là

xuất tự kho sách của Cao-xuân-Dục. Đây là một bản thứ hai Cao-xuân-Dục hẳn là cũng nhờ chép ở Quốc sử quán (Trong kho sách của Cao-xuân-Dục có những sách mà Cao thúc chép đến 5 bản, với dụng ý để lại cho năm người con trai). Tại sao nó lại giống bản Thư viện Bảo-đại? Bản này, theo chúng tôi biết, là sách của Cổ học viện trước, mà sách của thư viện Cổ học viện lại chính là sách của Tự-Khuê thư viện đem ra ngoài. Chúng tôi đoán rằng bản Bảo-đại thư viện là do bản của Nguyễn-công-Điền (đã nói đến trên kia). Bản này hẳn là cũng đã được chép lại mà để ở Quốc sử quán và đã được Cao-xuân-Dục nhờ chép thành bản thứ hai là bản Viện Sử học ngày nay. Xem nội dung của bản này thấy quả là có chỗ giản lược hơn các bản khác, phù hợp với điều Trần-tiên-Thành nhận xét về bản Nguyễn-công-Điền.

Xem như vậy thì thấy rằng nguồn gốc chung của bốn bản *Phủ biên tạp lục* và cả của các bản chúng tôi được thấy trước kia chỉ là hai bản có ở Nội các trong đời Tự-đức (1).

Trong khi làm công việc chỉnh lý, chúng tôi đã đặc biệt dùng những tài liệu sau này:

Về bài tựa thì chúng tôi đối chiếu với những phần của bài ấy đã được chép trong *Lịch triều hiến chương loại chí* « Văn tịch chí ». Về quyển I thì chúng tôi đối chiếu với sách *Đại Việt sử ký toàn thư* và sách *Đại nam thực lục tiền biên*. Sách sau được biên soạn sau *Phủ biên tạp lục*, nhưng nó đã dùng những tài liệu mà chính Lê-qui-Đôn đã dùng và hơn nữa, về một số điểm, nó lại đã dùng *Phủ biên tạp lục* làm nguồn tài liệu, vì như về chỗ mô tả cái đồng hồ mà chúa Nguyễn cho đặt ở các cửa biển, cho nên bằng vào nó chúng ta có thể thấy phảng phất hình ảnh của bản *Phủ biên tạp lục* xưa đã có ở Nội các từ trước thời Tự-đức. Riêng về danh sách các xã thôn và về sông núi ở Thuận Quảng thì chúng tôi đối chiếu với danh sách các xã thôn và với mục « Sơn xuyên » của sách *Ô châu cận lục*.

Ở đây chúng tôi không thể nói kỹ về những chỗ dị đồng của các bản và không thảo luận để chỉ rõ tại sao chúng tôi đã theo điểm này mà không theo điểm kia. Chúng tôi chỉ xin nêu lên mấy điểm để làm tỷ dụ. Có những điểm dị đồng không quan trọng, như có bản chép là « tuyên điều bố giáo, di phong dịch tục », có bản chép là « tuyên bố giáo điều, di dịch phong tục », những điểm ấy chúng ta không lưu ý cũng được. Có những chỗ sai lầm vì viết sai chữ gần giống nhau, như có bản chép kính sư 京師, có bản lại chép thị sư 市師, về điểm này thì chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng *inh sư* là đúng, *thị sư* là sai. Nhưng có những

điểm chép sai về loại ấy mà phải đối chiếu nhiều tài liệu mới nhận ra được, như bản Viện Sử học (quyển II) chép Hải hạc 海澗 mà bản Thư viện Khoa học lại chép là Hải khoát 海濶, phải đối chiếu với các sách khác thì mới nhận thấy *Hải hạc* là đúng, *Hải khoát* là sai. Lại như bản Viện Sử học chép Hương-bàn sơn 香盤山 mà các bản khác chép là Hương-uyên sơn 香盤山, có đối chiếu với các sách khác mới biết *Hương-uyên sơn* là đúng (uyên nghĩa là chén, mà tên tục núi ấy là Hòn chén, sau lại có tên là Ngọc-trần sơn) mà *Hương-bàn sơn* là sai. Có những chỗ sót cả câu, sót cả đoạn, thì phải đối chiếu các tài liệu mới tìm ra được. Nhưng có điều cần phải chú ý là trong khi đối chiếu các bản với nhau, có khi có điểm thấy ba bản chép giống nhau chỉ một bản chép khác thì cũng chưa nên vội cho điểm có lập ở một bản là sai; có khi chính cái điểm thấy giống nhau ở ba bản lại là sai, vì đều là điểm sai chép lại ở một gốc chung thôi, trong khi cái điểm có lập ở một bản xuất tự một nguồn khác lại là đúng. Lại có những chữ vì hủ mà các bản đều sửa chữa lại, như chữ kim 金 (kim hộ, ô kim) thì chép làm kiem 鎌, nguyên 源 (nguồn) thì chép làm tuyền 泉 (suối), thì chúng tôi đều khôi phục chữ cũ.

Theo cách chỉnh lý chúng tôi đã làm như trên, chúng tôi tưởng rằng với tinh hình tài liệu hiện nay, chúng tôi đã có thể có một bản *Phủ biên tạp lục* tương đối tốt để làm căn cứ mà phiên dịch. Bản dịch của Viện Sử học đã hoàn thành và đã đưa cho Nhà xuất bản Khoa học công bố.

\* \* \*

Cuối cùng chúng tôi xin tóm tắt nội dung của sách *Phủ biên tạp lục* như sau: Quyển I nói về « Sự tích khai thiết và khôi phục hai xứ Thuận-hóa và Quảng-nam » và chép danh sách của phủ huyện tổng xã của hai xứ. Giá trị của các phần của chương mà không đều nhau. Phần thứ nhất nói về lai lịch của miền Thuận Quảng từ xưa đến Nguyễn Hoàng chỉ là chép lại những sự kiện lớn đã được ghi trong chính sử (*Đại Việt sử ký toàn thư*). Phần thứ hai chép quá trình cát cứ và kinh dinh của họ Nguyễn từ Nguyễn Hoàng đến cuộc khởi nghĩa của Tây-sơn và cuộc xâm nhập của họ Trịnh. Phần này có những sự kiện có giá trị không thấy trong các sách khác, ngoài *Đại nam thực lục*.

(1) Do đó có thể suy thấy rằng trong thời Nguyễn, ở Bắc cũng như ở Nam, nhà tư rất ít nhà có sách *Phủ biên tạp lục*.

liên biên và Việt-nam khai quốc chi truyện. Những điều ghi chép của Lê-qui-Đôn là thần tử của họ Trịnh có thể làm tài liệu đối chứng với những tài liệu ghi trong *Thực lục* và *Chi truyện* của họ Nguyễn. Phần thứ ba là danh sách các phủ, huyện, tổng, xã, thôn, phường, trang, trại, thuộc, châu của miền Thuận Quảng, đó là danh sách độc nhất về thời ấy.

Các quyển II, III, IV, V, VI thì cho chúng ta những tài liệu về địa lý tự nhiên, địa lý nhân văn, về chế độ chính trị, tài chính, về tổ chức kinh tế, quân sự, về sản vật, phong tục, về sinh hoạt vật chất và sinh hoạt văn hóa, về nhân vật, về văn thư ngoại giao của chúa Nguyễn đối với nước láng giềng ở phía Nam là Xiêm-la v.v... Chúng tôi không thể phân tích kỹ càng tác phẩm ấy ở đây, vì nội dung rất phong phú của nó không thể trình bày tóm tắt trong ít câu được. Chúng tôi chỉ xin báo cáo rằng nó có thể cung cấp cho những người nghiên cứu về tình hình xưa của xứ Thuận Quảng, tức miền Đường trong, những tài liệu rất tốt, độc đáo, về mọi vấn đề lịch sử, địa lý, kinh tế, chính trị, văn hóa. Chúng tôi xin nói

thêm rằng tác phẩm ấy không có một kết cấu chặt chẽ. Lê-qui-Đôn đã viết nó trong khoảng sáu tháng ông ở Thuận-hóa, mà trong khi ấy ông phải, với tư cách là hiệp trấn phủ, đương đầu với những vấn đề khó khăn đủ các mặt, nhất là về chính trị, kinh tế và văn hóa. Dụng ý của ông là tập hợp một số ký chú, tạp lục, cho nên ông chỉ ghi chép một cách không liên tục, không có hệ thống chặt chẽ, những tài liệu phức tạp mà ông đã thu lượm được, hoặc ở trong văn thư cũ mà quân Trịnh đã chiếm được, hoặc trong những báo cáo viết hay nói của các quan lại cũ đầu hàng, hoặc do sự hỏi thăm trong quân và dân, hoặc do sự kê cứu các thư tịch cũ. Chúng ta không thấy tác giả đề công phu tổ chức và tổng hợp. Nhưng chính với hình thức ấy tác phẩm ấy lại có giá trị cao, vì nhiều khi chúng ta thấy được ở đây những tài liệu độc đáo, đầu tay, chưa bị chế biến và xuyên tạc qua nhận định chủ quan của tác giả. Do những điều ấy chúng ta có thể nói rằng phiên dịch sách *Phủ biên tạp lục* chúng ta sẽ phục vụ tốt công cuộc nghiên cứu về quá khứ của miền Nam thân yêu của chúng ta.

## Vấn đề liên minh công nông...

(Tiếp theo trang 28)

công nông liên minh vững chắc kết hợp với việc tranh thủ, lôi kéo các tầng lớp trung gian, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt-nam đang đoàn kết xung quanh mình đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, đưa cách mạng miền Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác(1). Bài học đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Dân

tộc thống nhất cũng như bài học xây dựng và củng cố khối công nông liên minh trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam Việt-nam hiện nay sẽ là những đóng góp không nhỏ vào kho tàng kinh nghiệm đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc trên thế giới.

Ngày 23-5-1964

(1) Dựa trên khối công nông liên minh vững chắc, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam không ngừng phát triển. Hiện nay đã có trên 20 tổ chức, đảng phái dân chủ, đoàn thể nhân dân, các tôn giáo, dân tộc, lực lượng yêu nước, các xu hướng chính trị khác nhau gia nhập Mặt trận. Số hội viên của các Hội lao động giải phóng tăng từ con số 383 300 người năm 1961 lên tới 3.950.000 người năm 1963. Đặc biệt là sự có mặt của các tổ chức «Củng cố hòa bình chung sống của tin đồn Cao-đài Tây-ninh», «Ban vận động thành lập hội liên hiệp Hoa kiều», «Các lực lượng vũ trang Bình xuyên» «Quân đội Cao đài kháng chiến», «Các sĩ quan và binh lính đã thoát ly hàng ngũ nguy quyền» trong Đại hội Mặt trận dân tộc giải phóng lần thứ II, nói lên sức mạnh của khối liên minh công nông.